

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP

๘๘๘

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: NHÀ LÀM VIỆC CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP

Đ/C: SỐ 248, LÊ ĐẠI HÀNH, PHƯỜNG MỸ PHÚ, THÀNH PHỐ CAO LÃNH,
TỈNH ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, tháng 5 năm 2024

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP

2008

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ: XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ ĐIỆN
VÀ SẢN BÀI ĐỀ MÁY BIẾP ÁP

Đ/C: SỐ 217, QUỐC LỘ 30, KHÓM MỸ THUẬN, THỊ TRẤN MỸ THO,
HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP



Lê Văn Chí

Đồng Tháp, tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT	III
DANH MỤC BẢNG	III
DANH MỤC HÌNH	III
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ	2
1. Tên chủ cơ sở:	2
2. Tên cơ sở:	2
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở đầu tư:	2
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở đầu tư:	3
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:	5
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	7
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	7
CHƯƠNG III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN CƠ SỞ ĐẦU TƯ	8
1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:	8
2. Môi trường tiếp nhận nước thải của cơ sở:	8
CHƯƠNG IV ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ	9
1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải:	9
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	13
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (Gồm CTRSH, CTRCNTT, CTNH):	13
4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	15
5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành:	15
6. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:	17
7. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:	18
CHƯƠNG V NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	19
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	19
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	20
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	21
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại (CTNH):	21
CHƯƠNG VI KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ nước thải:	23
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ khí thải:	23
CHƯƠNG VII CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	24
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	24
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:	24
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:	24
4. Kinh phí vận hành dự kiến các công trình, biện pháp xử lý môi trường:	24
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	26
1. Kết luận:	26
2. Kiến nghị:	26
3. Cam kết:	26
PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ	27

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÍ HIỆU VIẾT TẮT

- ĐAT: Đề án môi trường.
- ĐTM: Đánh giá tác động môi trường.
- BVMT: Bảo vệ môi trường.
- TNMT: Tài nguyên môi trường.
- CTRSH: Chất thải rắn công nghiệp thường.
- CTRCNTT: Chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- CTNH: Chất thải nguy hại.
- MBA: Máy biến áp.
- RECLOSER: Máy cắt tự đóng lại.
- LBS: Máy cắt có tải.
- DCL: Dao cách lý.
- LBFCO: Cầu chì tự rơi cắt có tải.
- FCO: Cầu chì tự rơi.
- LA: Chống sét van.
- TU: Biến điện áp.
- TI: Biến dòng điện.

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 Nguồn nguyên liệu phục vụ cho công tác sửa chữa, bảo trì máy biến áp	4
Bảng 2 Máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa máy biến áp.....	4
Bảng 3 Thiết bị phục vụ cho công tác thí nghiệm.....	4
Bảng 4. Các hạng mục công trình của cơ sở	5
Bảng 5. Thành phần chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn	9
Bảng 6. Chất thải rắn sinh hoạt	13
Bảng 7. Chất thải nguy hại phát sinh	21
Bảng 8: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải	19
Bảng 9 Các chất ô nhiễm, giá trị tối đa của các thông số xả nước thải ra nguồn tiếp nhận...20	
Bảng 10: Kinh phí vận hành dự kiến các công trình, biện pháp xử lý môi trường	25

DANH MỤC HÌNH

Hình 1 Quy trình hoạt động của cơ sở	3
Hình 2 Sơ đồ mặt bằng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi	3
Hình 3 Sơ đồ thu gom nước thải nhiễm dầu.....	10
Hình 4 Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn	11
Hình 5 Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt	12

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CHỦ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ doanh nghiệp: **Công ty Điện lực Đồng Tháp.**
- Địa chỉ: số 248, đường Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Đào Hữu Điền, chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0963992999.
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0300942001-018, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 06 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

2. Tên cơ sở:

- Tên cơ sở: **Xây dựng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để máy biến áp.**

- Địa chỉ: Số 217 Quốc lộ 30, khóm Mỹ Thuận, TT. Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Các văn bản pháp lý: Bản cam kết bảo vệ môi trường của Cơ sở Xây dựng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để MBA ban hành theo Giấy xác nhận đăng ký, Bản cam kết BVMT cơ sở "Xây dựng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để MBA số 34/UBND-TN.MT ngày 31/3/2010.
- Quy mô, công suất của cơ sở: Tổng diện tích mặt bằng 2.417 m². Bao gồm mặt bằng kho chứa MBA và khu vực sửa chữa thiết bị điện.
- Loại hình hoạt động của cơ sở: Hoạt động chủ yếu là chứa MBA và sửa chữa bảo trì các MBA và các thiết bị điện cũ.
- Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại stt 2, mục II, Phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (*Dự án có quy mô tương đương với dự án nhóm C theo quy định tại mục III phần A phụ lục 1 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Tổng mức đầu tư dưới 45 tỉ đồng) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.*)

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở đầu tư:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

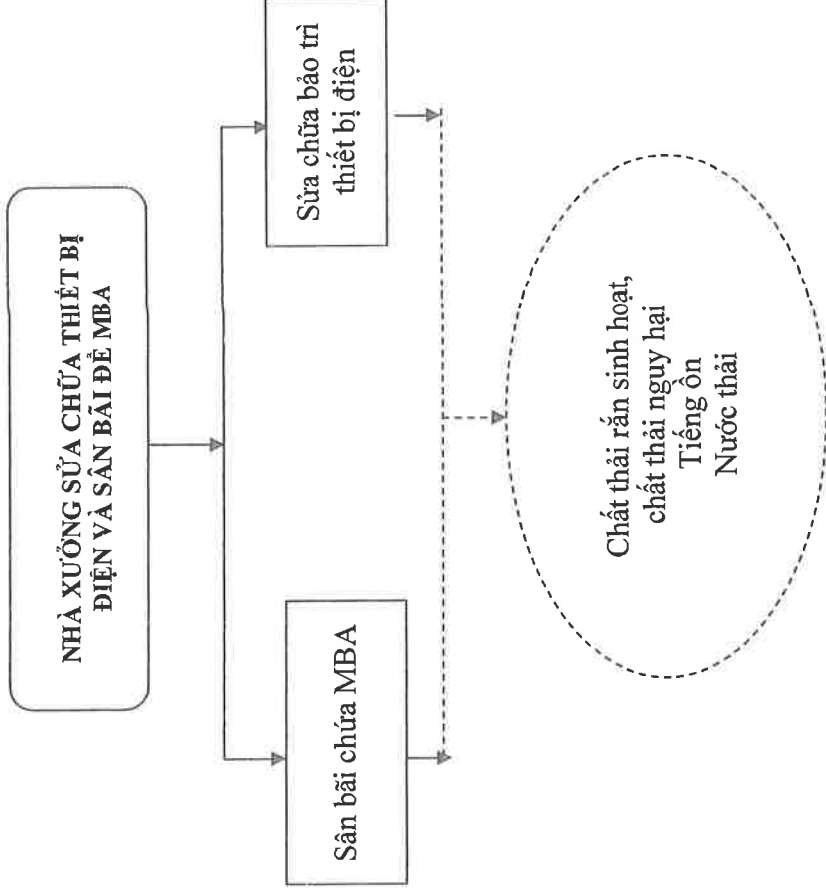
Cơ sở đã đi vào hoạt động với số lượng cán bộ, công nhân viên là **05** người.

Quy mô cơ sở có tổng diện tích mặt bằng 2.417 m² bao gồm:

- + Nhà xưởng sửa chữa thiết bị: 10m x 20m = 200m².
- + Kho bãi chứa máy biến áp: 406m².
- + Còn lại là kho lưu trữ (nhà ĐL Cao Lãnh cũ): 1.811m².

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

- Nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để MBA chủ yếu là sửa chữa, bảo trì MBA, thiết bị điện cũ và chứa MBA mới gồm có.



Hình 1 Quy trình hoạt động của cơ sở

*** Thuyết minh quy trình**

Cơ sở khi đi vào hoạt động với hình thức là nhà xưởng sửa chữa các thiết bị điện bị hư hỏng, còn sản bãi để chứa các MBA mới, còn sử dụng. Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thông thường, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Mục tiêu của cơ sở đầu tư: Xây dựng nhà xưởng sửa chữa, bảo trì các MBA và các thiết bị điện bị hư hỏng còn sản bãi để chứa các MBA mới khi sửa chữa xong hoặc các MBA mới mua dự phòng cho các công trình điện.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở đầu tư:

4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu và phế liệu trong quá trình sản xuất:

Do đây là kho để chứa MBA và để sửa chữa bảo trì các MBA cũ, hư hỏng nên cơ sở chỉ sử dụng thành phẩm chứ không sản xuất.

STT	LOẠI NGUYÊN LIỆN	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Dầu máy biến áp	88 lít/tháng	
2	Ron máy biến áp	125 cái/tháng	
3	Đầu cosse	292 cái/tháng	
4	Sơn chống sét + sơn màu	10 kg/tháng	
5	Sứ máy biến áp	02 cái/tháng	

Bảng 1 Nguồn nguyên liệu phục vụ cho công tác sửa chữa, bảo trì máy biến áp

4.2. Nhu cầu cấp điện, nước trong quá trình hoạt động:

*** Nhu cầu sử dụng điện:** Nguồn cung cấp điện cho hoạt động của cơ sở được lấy từ Điện lực Cao Lãnh – Công ty Điện lực Đồng Tháp. Sử dụng nguồn điện 01 pha khi sửa chữa MBA 01 pha và nguồn 03 pha khi sửa chữa MBA 03 pha. Đối với máy lọc dầu và lò sấy máy biến áp sử dụng nguồn điện 03 pha.

*** Nhu cầu sử dụng nước:** Nguồn cung cấp nước cho hoạt động của cơ sở là Nhà máy nước huyện Cao Lãnh, nguồn nước chủ yếu là phục vụ cho mục đích sinh hoạt, vệ sinh cá nhân của công nhân.

Nước sinh hoạt theo QCVN 01:2001/BXD Quy chuẩn Việt Nam – Quy hoạch xây dựng và Quyết định số 2140/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch cấp nước vùng ĐBSCL đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, thì chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt là 80 lít/người/ngày. Hiện tổng số công nhân đang tham gia hoạt động tại cơ sở là 05 người.

Vậy ước tính nhu cầu nước sinh hoạt của nhân viên được tính như sau:

$$Q = 5 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày} = 400 \text{ lít/người/ngày} = 0,4\text{m}^3/\text{ngày}.$$

4.3. Nhu cầu sử dụng máy móc thiết bị của cơ sở:

a. Máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa máy biến áp:

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (cái)	GHI CHÚ
1	Máy quấn dây	02	
2	Máy khoan	02	
3	Máy mài	01	
4	Máy cắt	01	
5	Máy hàn điện	02	
6	Bình hàn gió đá	01	
7	Máy lọc dầu	01	
8	Lò Sấy	01	

Bảng 2 Máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa máy biến áp

b. Các thiết bị phục vụ cho công tác thí nghiệm:

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (cái)	GHI CHÚ
1	Megommet 2500V	01	
2	Máy đo điện trở cuộn dây	01	
3	Máy đo tỉ số biến áp 1&3 pha	01	
4	Máy phân tích công suất 3 pha	01	
5	Variac 1 pha	01	
6	Variac 3 pha	01	
7	Vang năng kế điện từ	01	

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG (cái)	GHI CHÚ
8	Ampe kìm hạ thế	01	

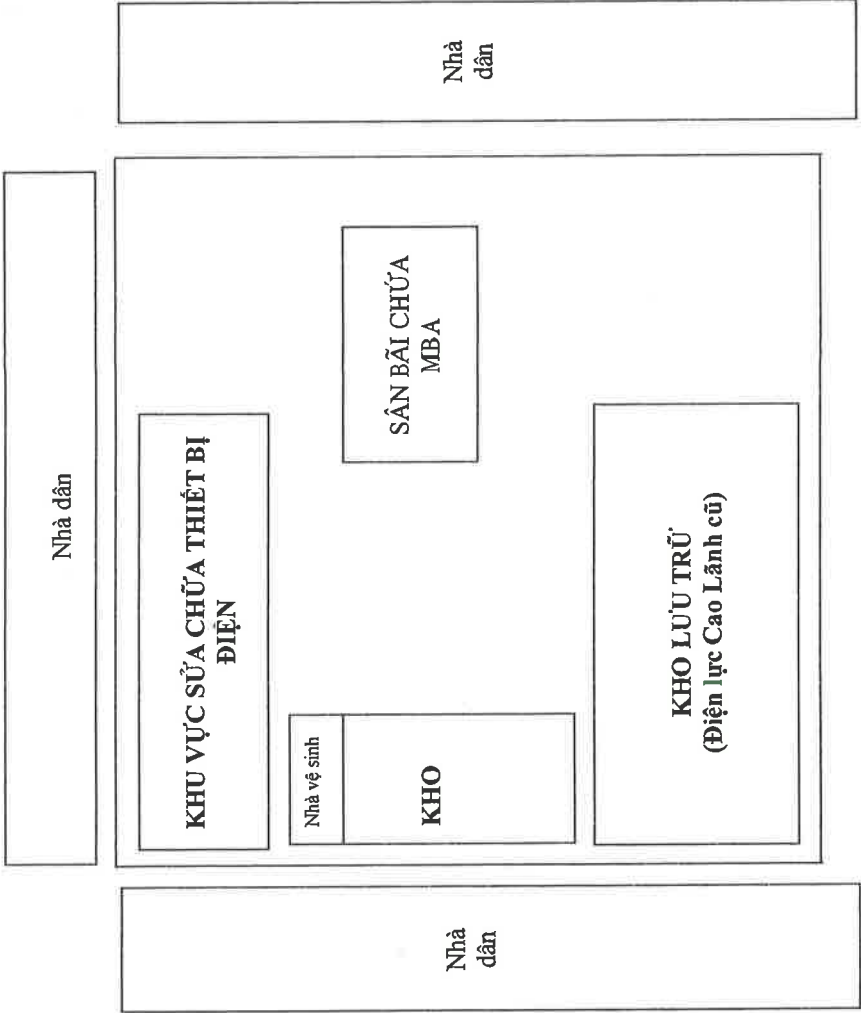
Bảng 3 Thiết bị phục vụ cho công tác thí nghiệm

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Vị trí địa lý:

Tọa lạc tại địa chỉ: Số 217, Quốc lộ 30, khóm Mỹ Thuận, Thị trấn Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, vị trí của kho giáp giới như sau:

- Phía Bắc giáp Nhà dân.
- Phía đông giáp Nhà dân.
- Phía Tây giáp Nhà Dân.
- Phía Nam giáp Quốc lộ 30.



Quốc lộ 30

Hình 2 Sơ đồ mặt bằng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở:

STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH (m²)	GHI CHÚ
1	Nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện	01	200	
2	Sân bãi để máy biến áp	01	406	

3	Kho lưu trữ		02		1.811
---	-------------	--	----	--	-------

Bảng 4 Các hạng mục công trình của cơ sở

5.3. Tổng mức đầu tư của cơ sở:

- Tổng mức đầu tư xây dựng cơ sở là: **600.000.000** đồng.

Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Cơ sở được xây dựng phù hợp với tình hình quy hoạch chung của tỉnh Đồng Tháp và được các cơ quan của tỉnh phê duyệt theo quy định chi tiết như sau:

- Công ty Điện lực Đồng Tháp thành lập trên cơ sở giấy phép kinh doanh số 0300942001-018 ngày 12 tháng 5 năm 2010 (đăng ký lần đầu) và đăng ký thay đổi lần thứ 04, ngày 06 tháng 12 năm 2022.
- Bản cam kết bảo vệ môi trường của Cơ sở Xây dựng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để MBA ban hành theo Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết BVMT cơ sở "Xây dựng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi để MBA số 34/UBND-TN.MT ngày 31/3/2010.
- Ngày 27 tháng 8 năm 2019, Công ty Điện lực Đồng Tháp được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp lại (lần 3) Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 87.000134.T.
- Ngày 20 tháng 5 năm 2011, Công ty Điện lực Đồng Tháp và phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh Đồng Tháp đã ký Kế hoạch phối hợp trong công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công ty Điện lực Đồng Tháp 5 năm giai đoạn 2011-2015.
- Ngày 04 tháng 3 năm 2016 Công ty Điện lực Đồng Tháp và phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh Đồng Tháp đã ký Kế hoạch phối hợp phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công ty Điện lực Đồng Tháp, giai đoạn 2016-2020.
- Ngày 02 tháng 02 năm 2021 Công ty Điện lực Đồng Tháp và phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh Đồng Tháp đã ký Chương trình công tác phối hợp phòng ngừa vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong Công ty Điện lực Đồng Tháp, giai đoạn 2021-2025.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Các chất thải của Cơ sở không thải trực tiếp ra môi trường, cụ thể như: Nước thải sinh hoạt được xử lý qua các hầm tự hoại, còn chất thải rắn (CTRSH, CTRCNTT, CTNH) được thu gom và hợp đồng với các Đơn vị có chức năng xử lý. Cho nên môi trường xung quanh cơ sở đảm bảo khả năng chịu tải và không bị ảnh hưởng bởi chất thải của cơ sở.

Chương III HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN CƠ SỞ ĐẦU TƯ

1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

Do cơ sở nằm ngay trung tâm thị trấn, gần khu dân cư của huyện Cao Lãnh nên các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi cơ sở và các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động bao gồm:

a. *Thâm thực vật:*

Thành phần các loài thực vật trên địa bàn huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp phụ thuộc vào tình hình sử dụng đất trong đó:

- Đất nông nghiệp: Trồng các loại cây nông nghiệp (lúa, đậu, ngô, ớt...), cây ăn trái, cây lâu năm và một số loại cây lấy gỗ, cây tạp.
- Đất trống, ao mương: Có các thực vật tự mọc hoang, cỏ dại, lục bình, sậy...

*** Đánh giá:** Khu vực cơ sở không bị xâm lấn canh tác của người dân, xung quanh không xuất hiện các loại động, thực vật quý hiếm, chủ yếu là các loại cây trồng đặc trưng của vùng như cây Lúa, cây ăn trái (Xoài, Nhãn, Chanh, Quýt...), cây lấy gỗ... nên không ảnh hưởng đến môi trường thảm thực vật.

b. *Hệ động vật:*

Đặc thù huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là khu vực đồng bằng, nhiều kênh rạch nên hệ động vật rất phong phú. Ngoài các vật nuôi trong gia đình (heo, gà...) còn có các loài động vật hệ lưỡng cư (ếch, nhái), hệ bò sát (rắn, rùa...), các loài chim và các loài cá sống dưới nước. Tuy nhiên các loài động vật này không thuộc loại quý hiếm, khu vực cơ sở hoạt động không bị ảnh hưởng bởi hệ động vật kể trên.

c. *Yếu tố nhạy cảm về môi trường:*

Khu vực thực hiện cơ sở không có yếu tố các yếu tố nhạy cảm về môi trường. Loại hình cơ sở chủ yếu mang đến các tác động tích cực cho môi trường của địa phương.

2. Môi trường tiếp nhận nước thải của cơ sở:

- Nguồn nước thải của cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh. Nước thải sinh hoạt này được thu gom vào các bể tự hoại, định kỳ sẽ thuê đơn vị đủ chức năng đến hút bùn và nước thải đi xử lý, không thải trực tiếp ra môi trường.
- Nguồn nước mưa tại tác mặt bằng của kho được thoát vào hệ thống cống thoát nước chung hiện hữu của thị trấn dọc theo Quốc lộ 30, các khu vực còn lại sẽ thoát theo các kênh rạch tự nhiên trên địa bàn cơ sở.

Chương IV ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải:

1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

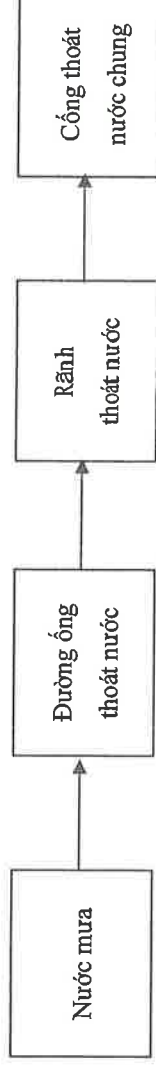
Nước mưa được quy ước là sạch nếu không chảy qua những khu vực ô nhiễm. Nồng độ các thông số nhiễm trong nước mưa chảy tràn theo WHO được ước tính:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	10 – 20
2	COD	mg/l	10 – 20
3	Tổng N	mg/l	0,5 – 1,5
4	Tổng P	mg/l	0,004 – 0,03

Bảng 5 Thành phần chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa từ trên mái xuống theo đường ống chảy vào hố ga nội bộ, sau đó theo cống thoát nước mưa chảy vào hệ thống cống thoát nước đô thị thông qua hố ga thu nước hiện hữu trên đường Quốc lộ 30.

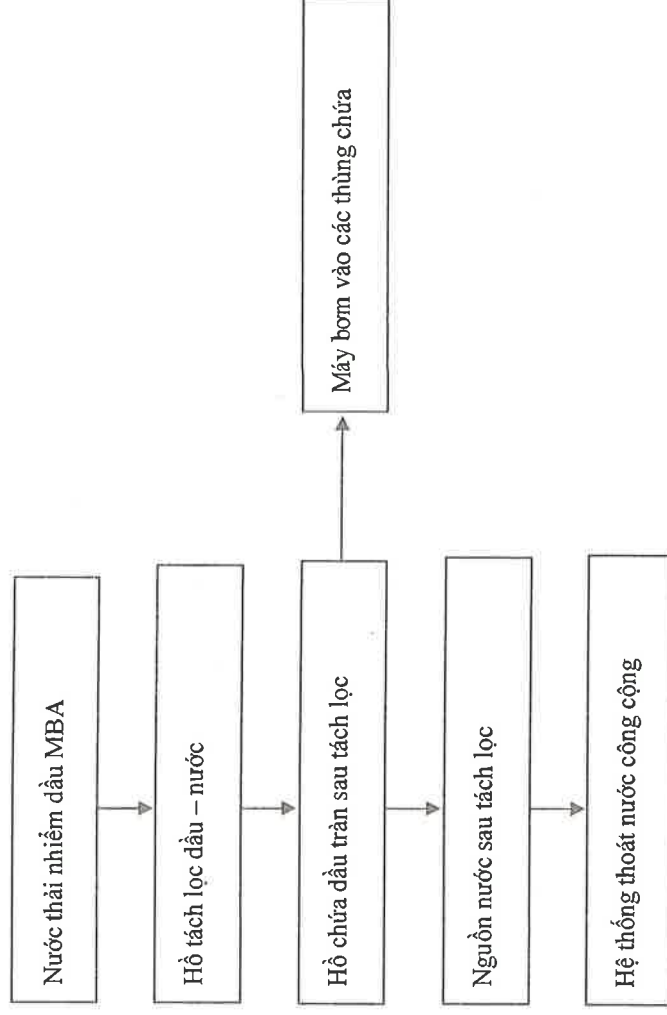
*** Sơ đồ thu gom nước mưa:**



*** Nguồn nước thải nhiễm dầu của MBA:**

STT	Nguồn phát sinh	Thành phần
1	Nước mưa chảy tràn	Váng dầu MBA, cặn dầu, PH, chất rắn lơ lửng...
2	Nước thải sinh hoạt	BOD5, COD, SS, PH, E. Coli...
3	Nước thải nhiễm dầu MBA	Váng dầu MBA, cặn dầu, PH, chất rắn lơ lửng...

Đối với nước thải nhiễm dầu: Cơ sở có xây dựng hệ thống xử lý nước, dầu rò rỉ trong khu vực sửa chữa thiết bị và kho chứa bị và kho chứa bao gồm: Hồ tách dầu – nước theo nguyên lý phân tầng lọc tràn, dầu tràn được chứa trong hầm bê tông cốt thép, có lắp máy bơm công suất 01 HP. Xung quanh khu vực sửa chữa và kho chứa có thiết kế các rãnh thu nước, đảm bảo nước trong khu vực sửa chữa và kho chứa được chảy vào hố tách dầu – nước để được tách lọc dầu nước trước khi xả vào hệ thống thoát nước công cộng.



Hình 3 Sơ đồ thu gom nước thải nhiễm dầu

* **Thuyết minh:** Nước thải nhiễm dầu MBA sẽ được thu gom về hồ tách lọc dầu – nước. Váng dầu được tách sang hồ chứa dầu tràn, sau đó được máy bơm vào các thùng chứa để Công ty thu gom, nước thải sau quá trình tách dầu sẽ đạt quy chuẩn cho phép được xả vào hệ thống thoát nước công cộng.

Ngoài ra, để hạn chế phát sinh nước thải nhiễm dầu MBA đến môi trường, cơ sở còn áp dụng một số biện pháp như sau:

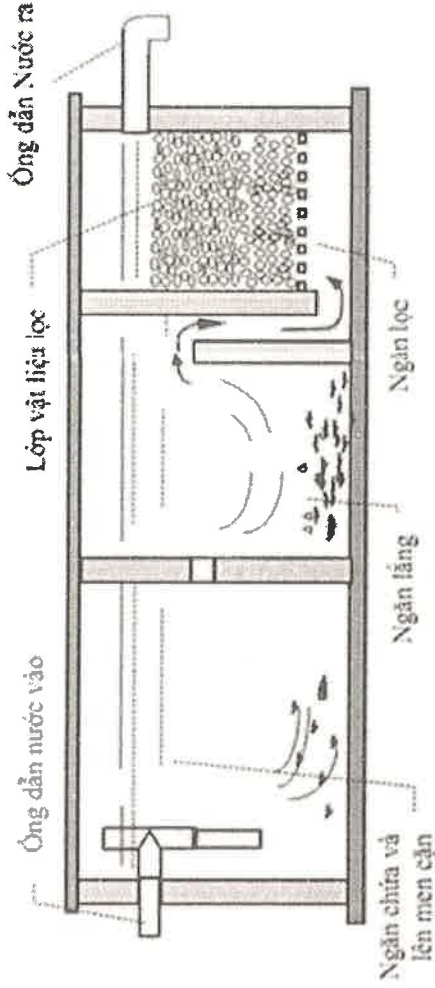
- + Không để dầu, nhớt, phụ gia, giẻ lau... rơi vãi trong khu vực cơ sở.
- + Phân công nhân viên thường xuyên dọn dẹp vệ sinh tránh để rác thải, lá cây, cành cây khô... gây tắc nghẽn đường thoát.
- + Hạn chế nước mưa chảy tràn qua khu vực có dầu MBA.

1.2 Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt:

- Hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất, chủ yếu là nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên tại cơ sở và khách hàng đến giao dịch. Nước thải từ các chậu rửa, thu sàn (nước xám) được thu theo đường ống nhánh, ống chính (ống PVC) riêng và thoát ra hố ga thu nước thải và đưa vào HTXLNT để xử lý.
- Nước thải từ các xí bột, nhà vệ sinh được thu gom theo ống nhánh, ống chính (ống PVC) riêng sau đó tới dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ 6 tháng/lần.

*** Nguyên tắc của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng:**

- Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý.
- Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vì sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và thoát ra ngoài đầu nối vào HTXLNT tập trung của cơ sở.



Hình 4 Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn

Thông qua việc xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, hiệu quả xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD5 là 60 – 65% trước khi đi vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

Thể tích bùn

$$V_{bùn} = \frac{m \times N \times t \times (100 - p_1) \times 0,7 \times 1,2 \times (100 - p_2)}{100000}$$

Trong đó:

m: tiêu chuẩn cặn lắng trong bể tự hoại của một ngày trong một ngày; m = 0,45

t: thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại chọn t = 180

0,7: Hệ số tính đến 30% cặn để phân giải

1,2: Hệ số tính đến 20% cặn giữ lại

p₁: độ ẩm của bùn cặn khi mới bắt đầu lắng giữ lại trong bể, 95%;

p₂: độ ẩm của bùn cặn sau khi nén, 90%;

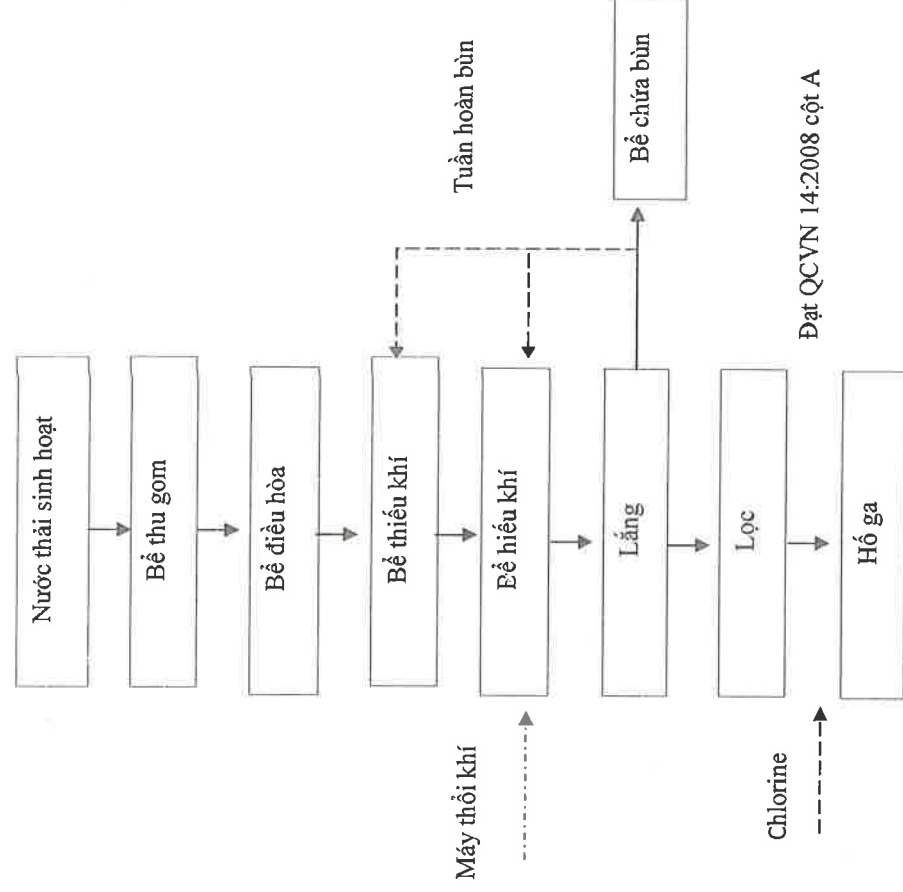
T₁: thời gian lưu nước trong bể tự hoại, 5 ngày.

N: số người bể tự hoại phục vụ. Nhân viên làm việc tại cơ sở trung bình 05 người/ngày.

→ Thể tích bùn = 0,17 m³

Do nước thải sinh hoạt nên bùn sinh ra không thuộc thành phần nguy hại theo thông tư 50:2013/BTNMT.

*** Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của cơ sở:**



Hình 5 Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt

*** Thuyết minh sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải sau khi đi qua lược rác thô để loại bỏ các chất rắn có kích thước lớn, sẽ được tập trung vào Bể thu gom. Tại đây, nước thải sẽ được bơm đến lược rác tinh để loại bỏ các cặn rắn có kích thước lớn hơn 2mm trước khi vào Bể điều hòa.

- Trong Bể điều hòa, nước thải được đều hòa về lưu lượng và nồng độ dầu ra. Không khí được cung cấp liên tục làm cho nước thải được xáo trộn đều và oxy hóa một phần các chất ô nhiễm.

- Từ Bể điều hòa nước thải tiếp tục được bơm với lưu lượng ổn định qua Bể sinh học thiếu khí, Tại đây nước thải đầu vào sẽ được hòa trộn với dòng nước thải tuần hoàn từ bể hiếu khí cũng như bùn tuần hoàn từ bể lắng sinh học và được khuấy trộn đều bằng máy khuấy trộn tạo môi trường thiếu khí để khử Amoni và Photpho thông qua quá trình nitrat hóa trước khi chảy qua Bể hiếu khí Aerotank để tiếp tục xử lý BOD5, COD...

- Nước thải sau khi xử lý thiếu khí và hiếu khí liên tục sẽ tự chảy sang Bể lắng sinh học. Tại đây, các chất lơ lửng sẽ được loại bỏ ra khỏi nước thải. Phần bùn lắng xuống đáy bể phần lớn được bơm tuần hoàn lại Bể thiếu khí nhằm đảm bảo hàm lượng sinh khối trong bể và một phần bùn dư sẽ được bơm về Bể chứa bùn nhờ hệ thống bơm bùn tuần hoàn và bơm bùn dư. Nước thải sau khi qua Bể lắng sinh học, nước sẽ

được bơm với lưu lượng ổn định qua hệ thống lọc áp lực để loại bỏ hoàn toàn cặn lơ lửng còn sót lại sau bể lắng, tại đây dung dịch chlorine được châm vào đường ống thông qua hệ thống bơm định lượng để xáo trộn đều với nước thải nhằm tiêu diệt vi trùng gây bệnh có trong nước thải trước khi thải ra nguồn tiếp nhận khu vực.

- Nước thải sau khi khử trùng, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/ BTNMT - Cột A, K=1,2.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Cơ sở trong quá trình vận hành làm phát sinh khí thải và bụi chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển nhưng không đáng kể. Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển của CBCNV và các xe tải cầu lưu thông ra vào để bốc dỡ MBA. Nồng độ các chất ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển khá thấp do các phương tiện vận chuyển không liên tục, không thường xuyên. Tuy nhiên cơ sở cũng cần có các biện pháp sau để hạn chế ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển gồm:

- Sử dụng phương tiện máy móc đã qua kiểm định, sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm, có chứa hàm lượng S thấp như dầu DO 0,05%.
- Yêu cầu CBCNV định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển để đảm bảo hoạt động trong tình trạng tốt, hạn chế phát sinh khí thải và bụi.
- Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào vị trí làm việc trong khuôn viên, không để động cơ chạy không tải.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn (Gồm CTRSH, CTRCNTT, CTNH):

3.1 Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh chủ yếu gồm:

STT	Tên đơn vị	Nhóm CTRSH	Khối lượng phát sinh trung bình hàng năm (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sân bãi chứa MBA	Chất thải rắn sinh hoạt	1.800		
	Tổng khối lượng (kg)		1.800	Cty TNHH một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp	

Bảng 6 Chất thải rắn sinh hoạt

- Rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở chủ yếu là rác thải sinh hoạt của nhân viên như bao nylon, giấy, vỏ trái cây,...với khối lượng 1 kg/người/ngày x 05 người = 05 kg/ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng). Rác sinh hoạt sẽ được phân loại tại nguồn, bố trí thùng rác 200 lít tại những vị trí dễ thấy, dễ tiếp cận như: Cửa chính tại các phòng, trước lối đi thang bộ, nhà vệ sinh,... Hàng ngày, bộ trí công nhân vận chuyển rác thải sinh hoạt ra nơi tập kết thu gom. Chủ cơ sở sẽ hợp đồng với Cty TNHH một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp thu gom tần suất 01 ngày/lần.

3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT):

Chất thải rắn công nghiệp thông thường của Cơ sở phát sinh chủ yếu do cải tạo, vệ sinh, bảo trì, sửa chữa MBA, các thiết bị điện và một lượng rác thải văn phòng như: Giấy in, văn phòng phẩm, vỏ nhựa.. không sử dụng đèn, ước tính khoảng 2 kg/ngày.

** Biện pháp:* Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý phần rác thải phát sinh hàng ngày.

3.3 Chất thải nguy hại (CTNH):

Các loại chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là: Dầu, nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt trong quá trình sửa chữa, bảo trì máy móc, lon sơn, bộ sử đồ, thiết bị đèn neon, các loại thùng đựng dầu nhớt, tụ điện, linh kiện, phát sinh trong quá trình sửa chữa bảo dưỡng tuyến đường dây, dầu MBA.... Với khối lượng phát sinh trung bình hàng năm theo bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải có PCB	17 03 01	8.000	NH
2	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05		NH
3	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	420	NH
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05	500	NH
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	30	NH
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc dầu, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50	KS
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)	16 01 13	50	NH
8	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	20	NH
9	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	100	NH

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5	NH
11	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	5	NH
12	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	5	KS
13	Pin mặt trời thải (tám quang năng thải)	19 02 08	24	KS
	Cộng		9.209	

Bảng 7 Chất thải nguy hại phát sinh

Các chất thải nguy hại này được quản lý nghiêm ngặt từ khâu thu gom, đến việc xử lý đúng theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

- Phân loại và bố trí các thùng đựng có dán nhãn tại nơi quy định riêng.
- Việc thu gom, lưu giữ CTNH được thực hiện đúng theo quy định quản lý CTNH như: Dán nhãn cảnh báo, kho lưu trữ riêng biệt.

*** Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp để kiểm soát ảnh hưởng do các chất thải nguy hại là dầu mỡ gồm:**

- Không sửa chữa máy móc, xe cộ tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố).
- Thu gom 100% lượng dầu mỡ thải và giặt lau vào các thùng chứa riêng biệt đặt trong khu vực cơ sở.
- Đối với MBA bị sự cố sẽ được tháo gỡ mang về kho lưu giữ theo quy định, không để dầu MBA tràn ra môi trường bên ngoài.
- Định kỳ có ký kết hợp đồng với các đơn vị có khả năng tái chế hoặc tiêu hủy chất thải nguy hại để thu gom và xử lý các loại chất thải này. Việc thu gom, lưu giữ vận chuyển chất thải nguy hại được thực hiện bởi các tổ chức có năng lực phù hợp và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hành nghề nghề quản lý chất thải nguy hại.

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Tiếng ồn, độ rung của cơ sở phát sinh chủ yếu từ các xe tải cầu ra vào bốc dỡ các MBA. Tuy nhiên không liên tục, không ảnh hưởng đáng kể.

*** Biện pháp:** Tuyên truyền cho các phương tiện vận chuyển bốc dỡ MBA ra vào nhẹ nhàng, tắt máy xe khi đã bốc dỡ xong...

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành:

5.1 Phương án phòng ngừa sự cố tràn dầu máy biến áp:

- Cơ sở có xây dựng các Quy trình vận hành và sửa chữa bảo trì MBA, có Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố tràn dầu máy biến áp và tổ chức lực lượng bảo đảm ngăn ngừa, ứng phó kịp thời, hiệu quả sự cố tràn dầu.
- Khi dầu tràn ra đất thì có biện pháp thu gom dầu và đất nhanh nhất, khoanh vùng những khu vực đất bị ô nhiễm để kịp thời xử lý.
- Sử dụng những xe chuyên dụng (có đăng kiểm, cấp phép) chở các thùng chứa dầu đến những đơn vị có chức năng xử lý hoặc có những biện pháp xử lý đúng theo quy định.
- Vệ sinh, kiểm tra lại toàn bộ khu vực dầu tràn ra, thu gom những vật liệu dính dầu về chỗ tập trung và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để xử lý.
- Cơ sở thực hiện đầy đủ các yêu cầu, hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền nhằm ngăn chặn hoặc giảm thiểu thiệt hại do ô nhiễm dầu gây ra.

*** Phòng chống sự cố rò rỉ dầu:**

Trong quá trình chứa MBA, một số hiện tượng rò rỉ dầu và biện pháp khắc phục được mô tả như sau:

Stt	Hiện tượng	Nguyên nhân	Giải pháp khắc phục	Ghi chú
1	Có hiện tượng chảy dầu trên sứ cao áp, sứ hạ áp, tại bộ chuyển nấc MBA..	- Do hỏng, nứt joint, bề sứ... tại các đầu sứ cao áp, sứ hạ áp, bộ chuyển nấc...	- Kiểm tra thay joint, thay sứ tại vị trí bị rỉ dầu.	

5.2 Phòng án phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy:

Cơ sở đã thực hiện các phương án phòng ngừa sự cố cháy nổ đúng theo quy định, cụ thể như sau:

- Niêm yết tiêu lệnh chữa cháy, các bảng cấm tại khu vực sản xuất để nhắc nhở ý thức cho cán bộ, nhân viên và khách hàng về PCCC;
- Các CBCNV được đào tạo và cấp giấy chứng nhận PCCC, tham gia đầy đủ các buổi diễn tập PCCC do Công ty tổ chức.
- Có trang bị các phương tiện PCCC (bình chữa cháy các loại...) kiểm tra thường xuyên và luôn giữ cho các phương tiện này trong tình trạng sẵn sàng.
- CBCNV am hiểu và sử dụng thành thạo các phương tiện PCCC tại chỗ, luôn chủ động và xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

5.3 Vệ sinh, an toàn lao động:

- Tại cơ sở có thành lập bộ máy an toàn vệ sinh lao động, có phân công cho 01 cán bộ phụ trách công tác an toàn.
- Định kỳ hàng năm có bồi huấn, sát hạch đầu đủ cho CBCNV.
- Hàng năm có tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, đo đặc quan trắc môi trường lao động đầy đủ.
- Trang bị BHLĐ và các phương tiện thi công đầy đủ cho CBCNV.

6. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường:

6.1 Danh mục các công trình biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở:

Kế hoạch thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường được xây dựng trên cơ sở tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Các hoạt động	Tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện	Thời gian thực hiện
Giai đoạn cơ sở đi vào hoạt động				
Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào cơ sở làm việc, bốc dỡ MBA	Tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn	Chủ cơ sở đã trang bị quạt máy, Thường xuyên kiểm tra, tuyên truyền cho các phương tiện vận chuyển.		Kể từ khi cơ sở được đưa vào hoạt động
Hoạt động của cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở gồm sửa chữa MBA và các thiết bị điện hư hỏng khác.	Nước thải sinh hoạt	Xây dựng hệ thống thoát nước. Xây dựng bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt.	30 triệu	Kể từ khi cơ sở được đưa vào hoạt động
	Rác thải rắn thông thường	Bố trí thùng rác tại các vị trí dễ tiếp cận Phân loại rác tại nguồn	12 triệu/năm	
	Rác thải rắn nguy hại	Hợp đồng với đơn vị có năng lực thu gom, xử lý		
An toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp cho cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở		Lắp đặt hệ thống lọc khí, điều hòa không khí, trang bị quạt máy, máy lạnh, quạt hút tạo môi trường làm việc thông thoáng. Lắp đặt hệ thống PCCC Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, hệ thống PCCC	10 triệu	Kể từ khi cơ sở được đưa vào hoạt động

6.2 Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường:

Các công trình này đã được xây dựng xong và vận hành từ năm 2010 đến nay.

6.3 Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường:

- Việc quản lý vận hành và sửa chữa các công trình bảo vệ môi trường gồm: Công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ, do Công ty Điện lực Đồng Tháp trực tiếp đảm nhận.
- Cơ quan quản lý vận hành cơ sở (Công ty Điện lực Đồng Tháp) trực tiếp chịu trách nhiệm và phân quyền quản lý vận hành cho các đơn vị trực thuộc Công ty để tổ chức kiểm tra, theo dõi quản lý vận hành và sửa chữa kịp thời khi có hư hỏng, sự cố.

7. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

- Cơ sở này đã xây dựng hoàn thành và đang vận hành ổn định nên các kết quả đánh giá, dự báo chủ yếu dựa vào 02 phương pháp là: Phương pháp liệt kê và phương pháp tổng hợp các tài liệu, số liệu thực tế. Đây là các phương pháp phổ biến đang được sử dụng rộng rãi trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp GPMT hiện nay tại Việt Nam cũng như trên thế giới.
- Các số liệu liên quan đến môi trường nước, không khí, chất thải rắn, chất thải nguy hại được lấy thực tế trong quá trình vận hành nên có độ tin cậy tương đối cao, giúp chủ cơ sở có đủ điều kiện để tiếp tục vận hành dự án.

Chương V NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt.

- **Nguồn phát sinh nước thải:**

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt.

+ Nguồn số 2: Nước thải bể gạn dầu.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:**

+ Nguồn số 1: 0,4m³/ngày/đêm.

+ Nguồn số 2: 0,25m³/ngày/đêm.

- **Dòng nước thải:**

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt. Sau khi xử lý xong thải vào hệ thống thoát nước của đô thị.

+ Nguồn số 2: Nước thải bể gạn dầu MBA được xử lý, sau khi xử lý thu gom vào hố ga trước khi thải vào hệ thống thoát nước của đô thị.

- **Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:**

Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (K=1,2)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅	mg/l	36
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	60
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sunfua	mg/l	1.2
6	Amoni	mg/l	6
7	Nitrat	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (K=1,2)
10	Phosphat	mg/l	7,2
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

Bảng 8 Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

- Đối với dòng nước thải dầu ra bề mặt dầu: Các chất ô nhiễm, giá trị tối đa của các thông số xả nước thải ra nguồn tiếp nhận theo QCVN 29:2010/BTNMT (cột B) cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 29:2010/BTNMT (cột B)
1	pH	mg/L	5,5 – 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	150
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/L	30

Bảng 9 Các chất ô nhiễm, giá trị tối đa của các thông số xả nước thải ra nguồn tiếp nhận

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí và tọa độ xả nước thải: Địa chỉ của cơ sở tại số 217, Quốc lộ 30, Khóm Mỹ Thuận, TT. Mỹ Tho, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, khi thải vào hệ thống thoát nước của đô thị có tọa độ:

* Tọa độ vị trí xả nước thải sinh hoạt: X=10.466911° Y=105.691802° (theo tọa độ VN2000).

* Tọa độ vị trí xả nước thải nhiễm dầu MBA: X=10.446911° Y=105.6918° (theo tọa độ VN2000).

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước của khu vực.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Cơ sở chỉ phát sinh khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở, phương

tiền bốc dỡ. Lượng phát sinh này không đáng kể. Cơ sở không xin cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ trung

Do cơ sở hoạt động trong khu dân cư nên cơ sở đề nghị xin cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung. Tiếng ồn phát sinh phát sinh từ các phương tiện xe cầu bốc dỡ MBA, nguồn phát sinh này không thường xuyên, chỉ sử dụng khi có bốc dỡ MBA và thiết bị điện.

 Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

Giới hạn cho phép của quy chuẩn về tiếng ồn

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
1	Tiếng ồn	dBA	70

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại (CTNH):

- Mã chất thải nguy hại và khối lượng được phép xử lý: Được nêu rõ từng mã chất thải nguy hại và khối lượng đề nghị cấp phép theo bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải có PCB	17 03 01	8.000	NH
2	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05		NH
3	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	420	NH
4	Các loại dầu truyền nhiệt và cách điện thải khác	17 03 05	500	NH
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	30	NH
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc dầu, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	50	KS
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa	16 01 13	50	NH

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
	các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH)			
8	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	20	NH
9	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	100	NH
10	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	5	NH
11	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	5	NH
12	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	5	KS
13	Pin mặt trời thải (tấm quang năng thải)	19 02 08	24	KS
	Cộng		9.209	

Chương VI KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ nước thải:

Do từ lúc cơ sở đi vào hoạt động không có quy định quan trắc nên chưa thực hiện quan trắc định kỳ. Chủ cơ sở cam kết trong thời gian tới sẽ thực hiện quan trắc sau khi được cấp giấy phép.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ khí thải:

Khí thải tại cơ sở chỉ phát sinh trong quá trình hoạt động ra vào của các phương tiện giao thông. Tuy nhiên, việc các phương tiện giao thông ra vào không thường xuyên Vì vậy cơ sở không tiến hành quan trắc định kỳ đối với khí thải.

Chương VII CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP thể hiện: Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3, Điều 53 Luật BVMT (bao gồm bể tự hoại, bể tách dầu mỡ nước thải nhà ăn và các công trình, thiết kế bị hợp khối đáp ứng yêu cầu theo quy định) không phải vận hành thử nghiệm. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật:

2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Vị trí và số lượng giám sát: 01 mẫu đầu ra hệ thống xử lý nước thải
- Các chỉ tiêu phân tích: pH, TSS, COD, BOD₅, N-NH₄⁺, P-PO₄³⁻, dầu mỡ ĐTV, coliform
- Tần suất giám sát: 1 năm/lần hoặc đột xuất khi có sự cố môi trường.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Căn cứ khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, - Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải liên tục, tự động và định kỳ.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

STT	Nội dung giám sát	Vị trí giám sát	Tần suất (lần/năm)	Đơn giá (đồng/lần)	Thành tiền (đồng/năm)
1	Nước thải	Đầu ra hầm tự hoại và bể gạn dầu	1	2.000.000	2.000.000
2	Khắc phục sửa chữa, cải tạo, bảo dưỡng định kỳ các hạng mục PCCC, an toàn điện	Toàn bộ khu vực của cơ sở	4	5.000.000	20.000.000
Tổng chi phí dự trù thực hiện					22.000.000

4. Kinh phí vận hành dự kiến các công trình, biện pháp xử lý môi trường:

STT	Các công trình/biện pháp xử lý môi trường	Thành tiền (đồng/năm)
1	Chi phí vận hành hầm tự hoại 3 ngăn	6.000.000

STT	Các công trình/biện pháp xử lý môi trường	Thành tiền (đồng/năm)
2	Chi phí hợp đồng thu gom, xử lý rác thải rắn thông thường	3.000.000
3	Chi phí hợp đồng thu gom, xử lý CTNH	10.000.000
	Tổng chi phí dự trù thực hiện	19.000.000

Bảng 10 Kinh phí vận hành dự kiến các công trình, biện pháp xử lý môi trường

Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Kết luận:

- Các loại chất thải, các vấn đề về môi trường do Cơ sở tạo ra có thể chủ động xử lý được.
- Có đủ khả năng để ứng phó hiệu quả với tình trạng ô nhiễm môi trường khi các sự cố xảy ra.

2. Kiến nghị:

- Kiến nghị với các cấp, các ngành liên quan ở địa phương để giải quyết các vấn đề vượt quá khả năng giải quyết của chủ Cơ sở.
- Trong quá trình hoạt động, Công ty Điện lực Đồng Tháp kiến nghị với UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh hỗ trợ Công ty trong công tác tuyên truyền, vận động người dân địa phương thực hiện nghiêm túc.

3. Cam kết:

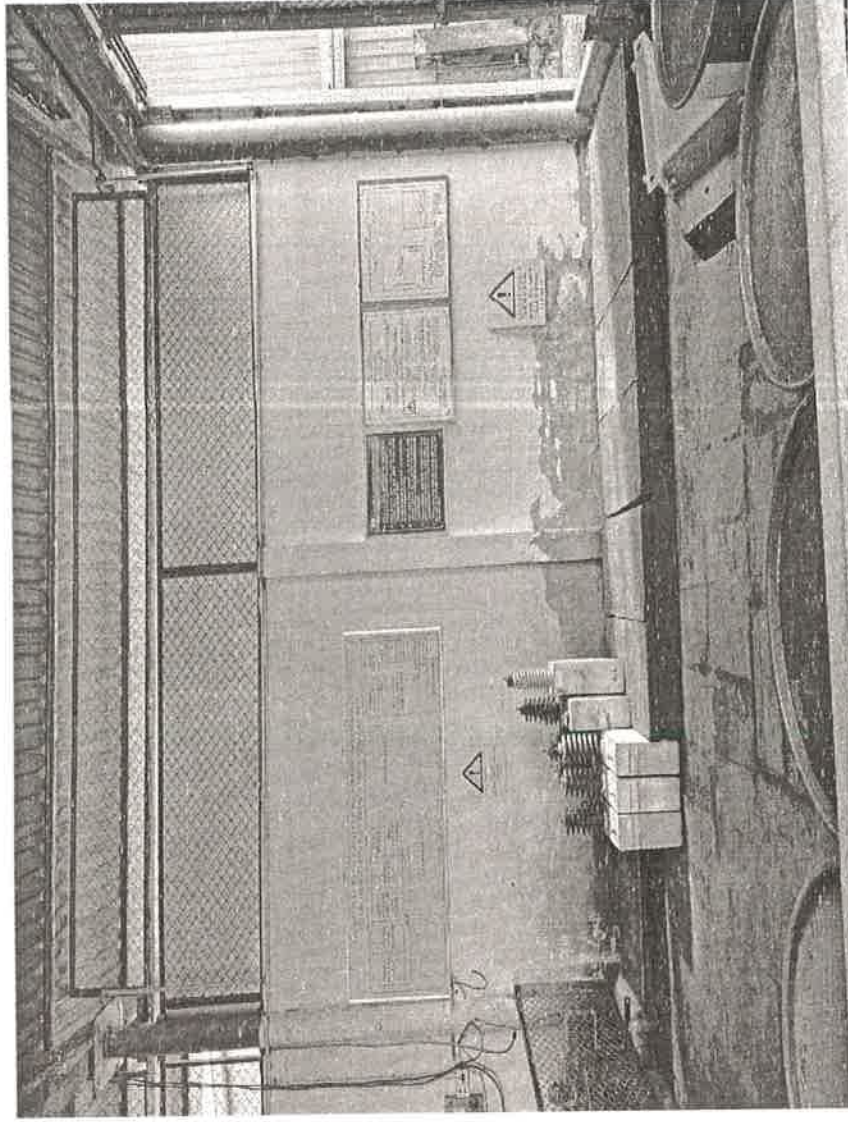
- Cam kết thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường đơn giản, đặc biệt là các nội dung về xử lý chất thải, xử lý các vấn đề môi trường, kế hoạch quản lý môi trường.
- Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến Cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của Cơ sở.

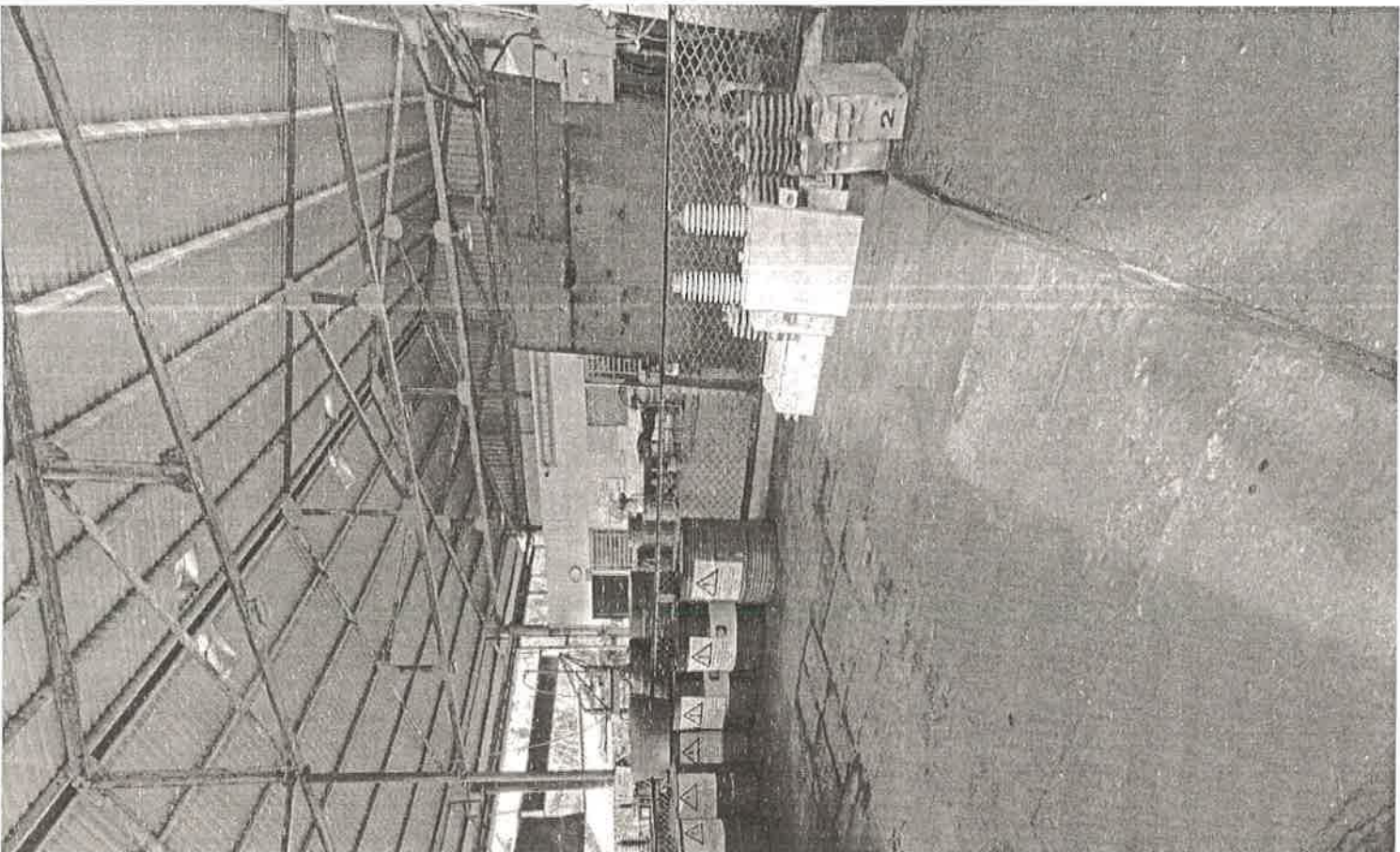
PHỤ LỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0300942001-018, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 5 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06 tháng 12 năm 2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt
- Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại.
- Đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Cơ sở Xây dựng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sản bãi để MBA ban hành theo Giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết BVMT cơ sở "Xây dựng nhà xưởng sửa chữa thiết bị điện và sản bãi để MBA số 34/UBND-TN.MT ngày 31/3/2010.
- Sổ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 87.000134.T ngày 27 tháng 8 năm 2019 cấp lại (lần 3).

HÌNH ẢNH KHO LƯU TRỮ TẠM THỜI CHẤT THẢI NGUY HẠI

1. Kho lưu trữ tạm thời chất thải nguy hại:





TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
TP. Cao Lãnh, ngày 20 tháng 5 năm 2010
TP. Quản Lý Đầu Tư
Lê Hồng Chương

ĐI TP CAO LÃNH

QL 30

ĐI TP HCM

CỘT ĐIỆN HIỆN HỮU

NHÀ XE 02 BÁNH DỐI ĐẾN

NHÀ XE
04 BÁNH
(HIỆN HỮU)

NHÀ LÀM VIỆC
CHI NHÁNH ĐIỆN CAO LÃNH

NHÀ Ở TẬP THỂ HIỆN HỮU

CÁT SAN LẤP
-0.300

NHÀ XƯỞNG
+0.200

DALE 3000x3000
-0.200

MẶT BẰNG TỔNG THỂ SÂN ĐẠN, HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

ĐẠN BT ĐÁ 1x2, KHÔNG CỐT THÉP, CHIA Ô 3000x3000x70

ĐẠN BT ĐÁ 1x2, CÓ CỐT THÉP, CHIA Ô 3000x3000x70

CÔNG TY
CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
& XÂY DỰNG
TỔNG HỢP

Công trình: XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ VÀ SÂN BÀI ĐỂ MBA
Hạng mục: NHÀ XƯỞNG, SÂN BÀI ĐỂ MBA, HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC.
Đoạn: CHI NHÁNH ĐIỆN CAO LÃNH, QUỐC LỘ 30, THỊ TRẤN MỸ THO, HUYỆN CAO LÃNH.

TL: 1/300

SỐ: 2/16

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

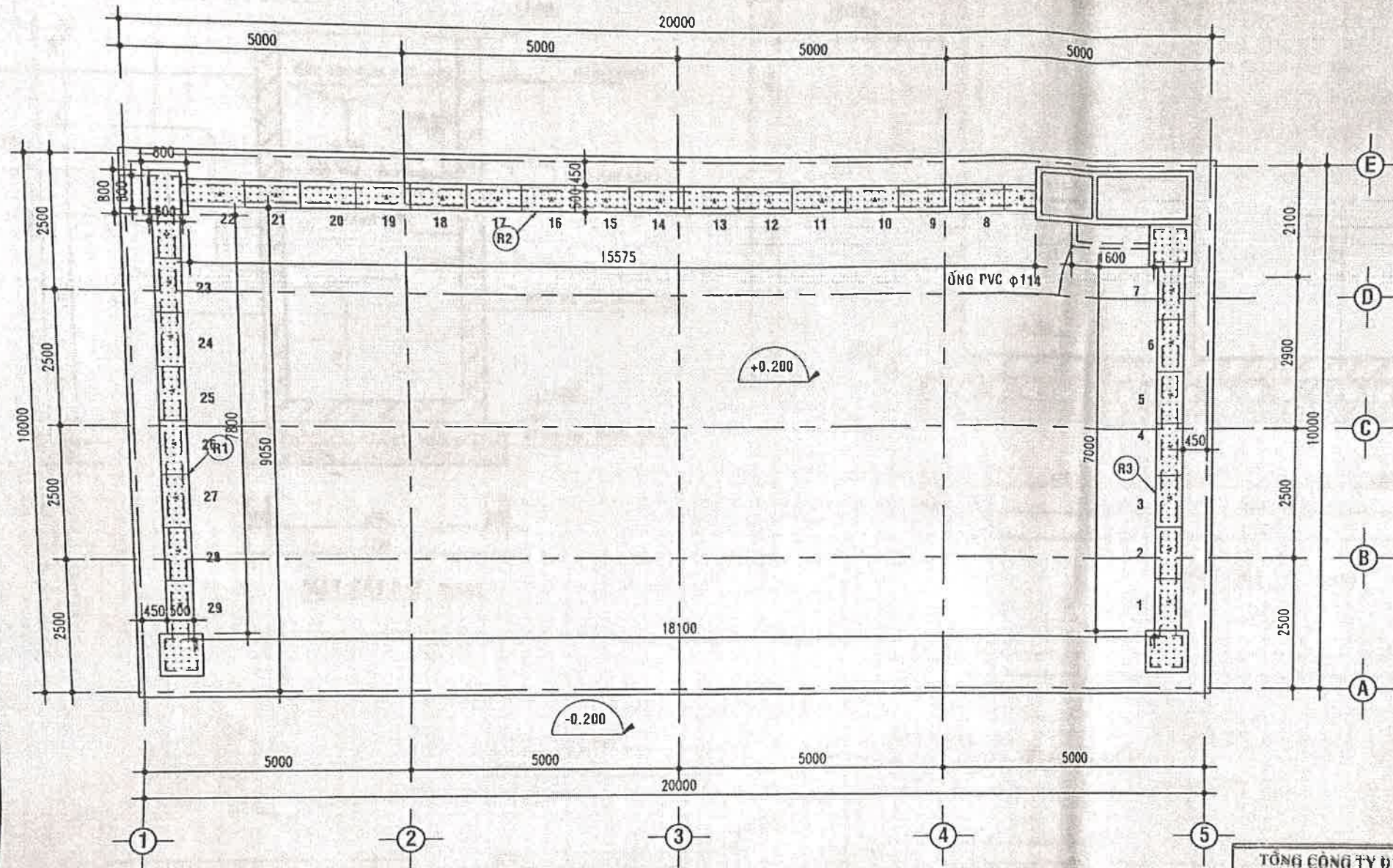
CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ

VÔ QUANG NHỰT

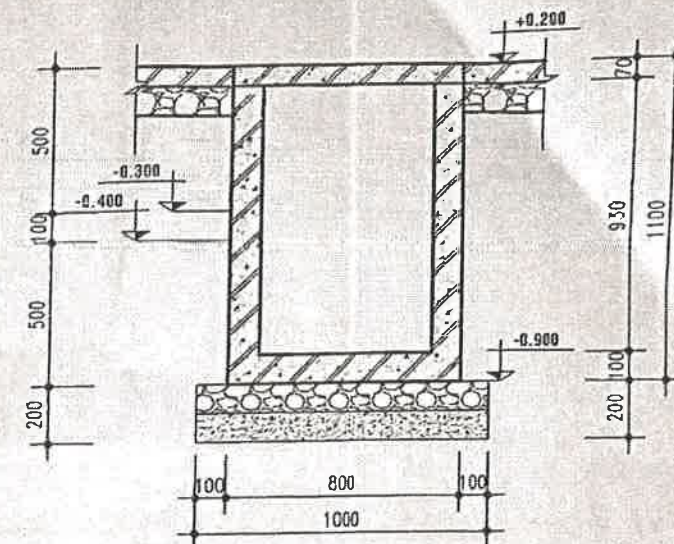
VẼ

NGUYỄN PHƯỚC HẢI

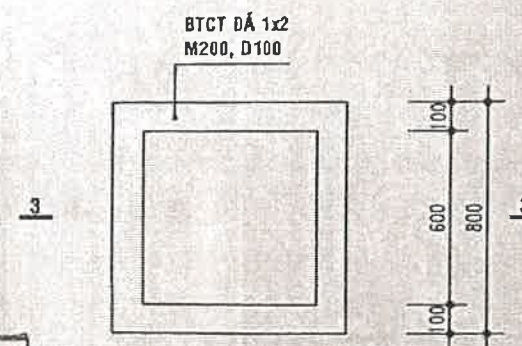
ĐẶNG HOÀNG MINH



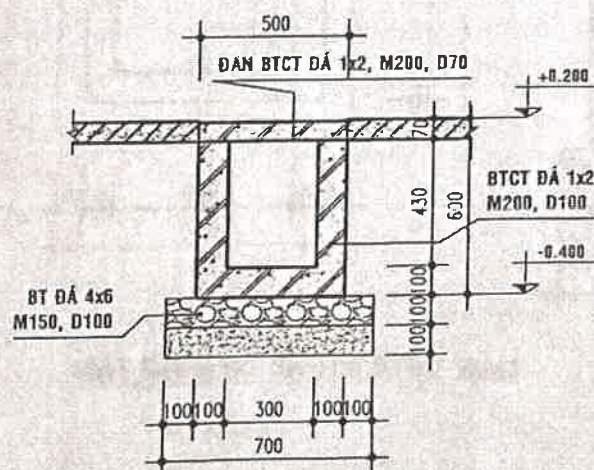
MẶT BẰNG RÃNH THU DẦU TL: 1/100



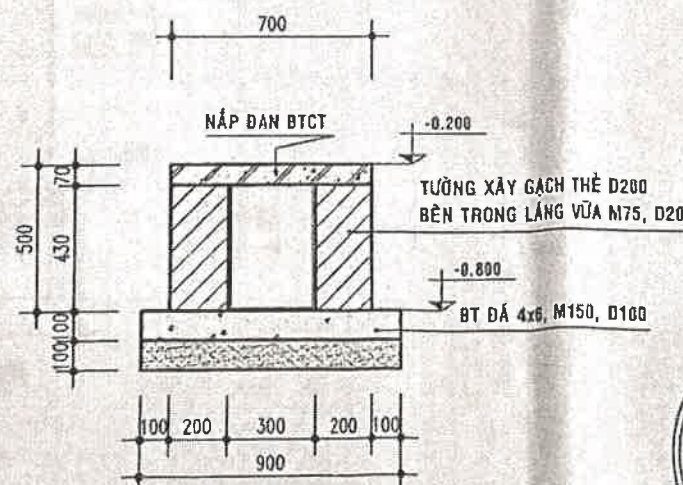
MẶT CẮT 3-3 TL: 1/25



MẶT BẰNG HỒ GA TL: 1/25
(SL = 04 CK)



MẶT CẮT RÃNH THU DẦU TL: 1/25



MẶT CẮT NGĂN RÃNH THU NƯỚC MƯA TL: 1/25

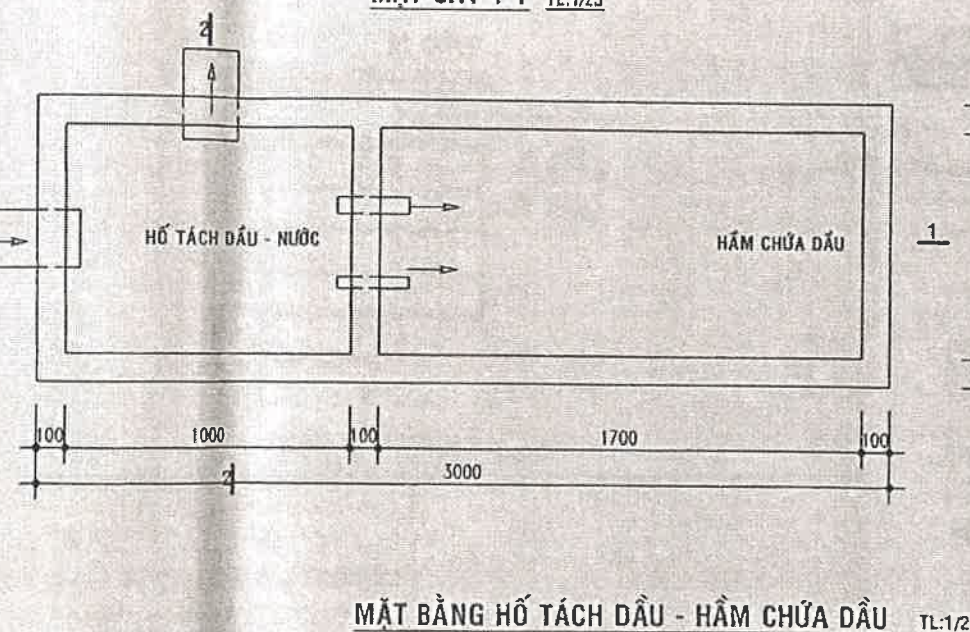
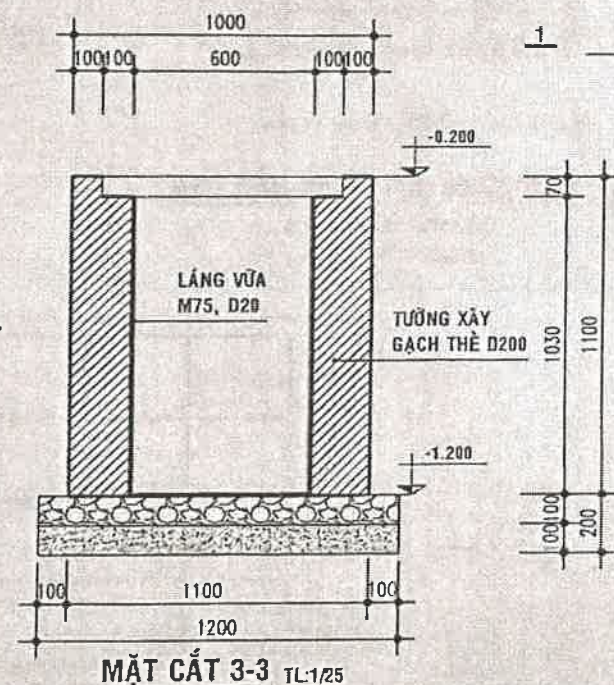
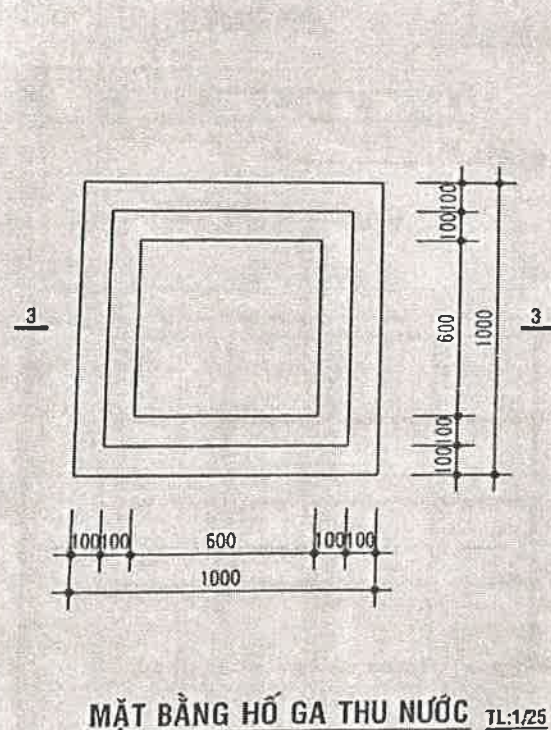
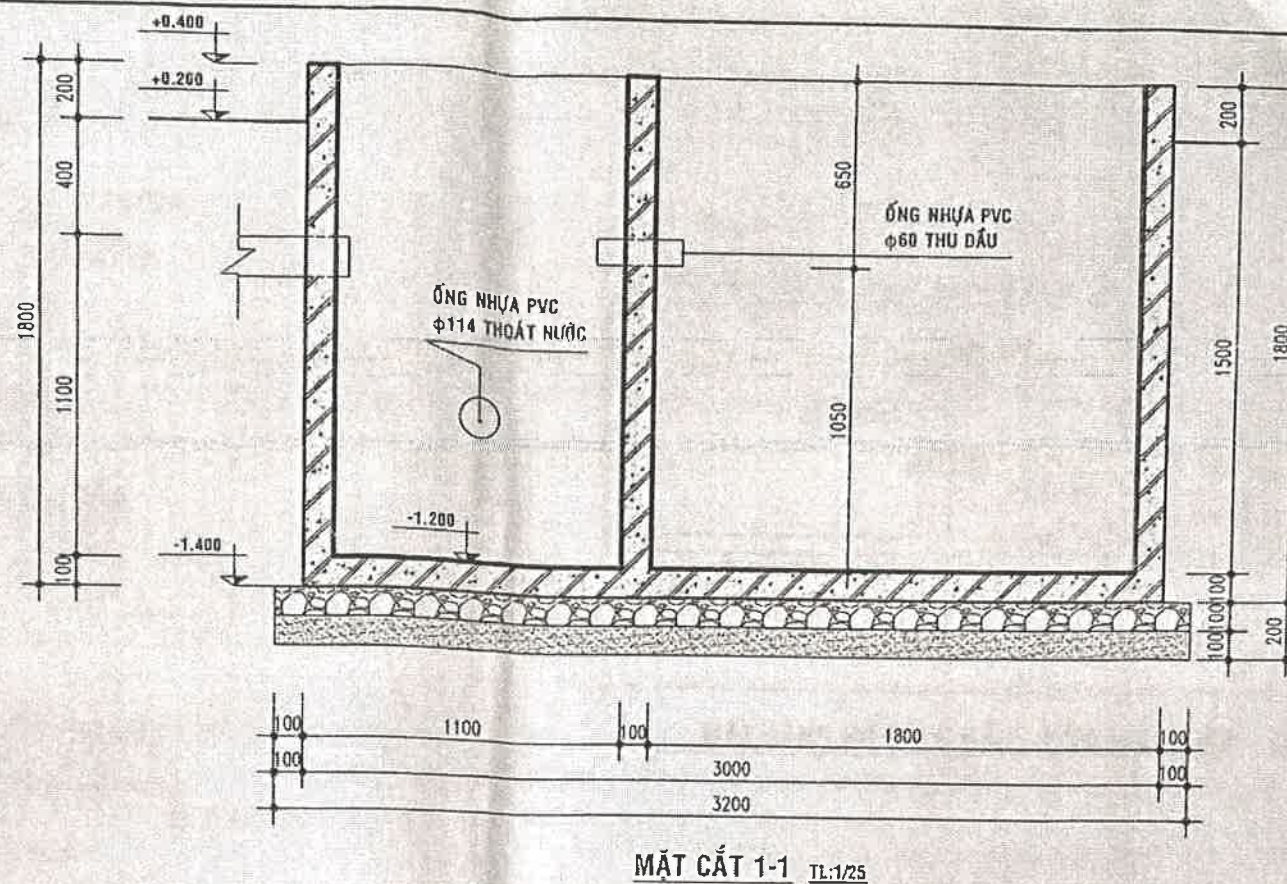
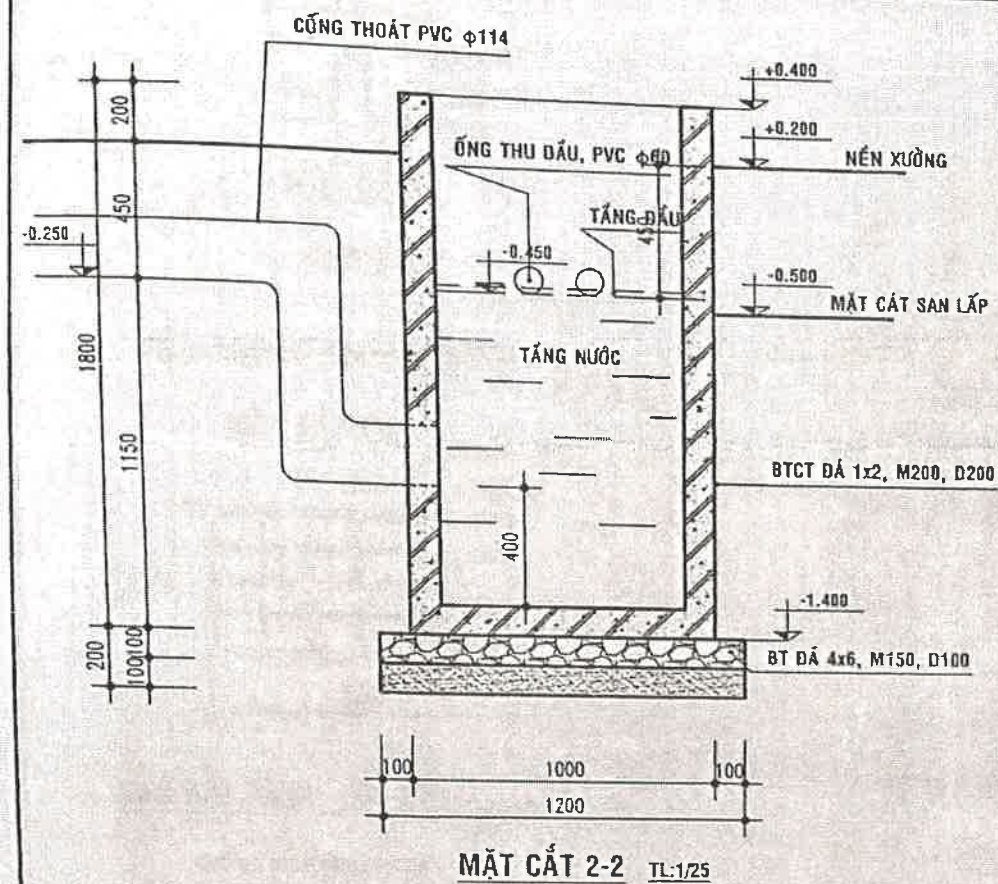
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
TP. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 5 năm 2010
TP. Quản Lý Đầu Tư
Lê Hồng Chương

CÔNG TY
CP TƯ VẤN THIẾT KẾ
& XÂY DỰNG
TỔNG HỢP
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG
TP. Cao Lãnh, Đồng Tháp

Công trình: XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ VÀ SÂN BÃI ĐỂ MBA
Hạng mục: NHÀ XƯỞNG, SÂN BÃI ĐỂ MBA, HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC.
Đoà: CHI NHÁNH ĐIỆN CAO LÃNH, QUỐC LỘ 30, THỊ TRẤN MỸ THO, HUYỆN CAO LÃNH.
TL: 1/100
Số: 12/16

MẶT BẰNG RÃNH, HỒ THU DẦU

CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ
Vẽ
ĐẶNG HOÀNG MINH
VŨ QUANG NHỰT
NGUYỄN PHƯỚC HẢI



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
CÔNG TY ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
TP. Cao Lãnh, ngày 22 tháng 5 năm 2010
TP. Quản Lý Đầu Tư
Lê Hồng Chương

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ & XÂY DỰNG TỔNG HỢP ĐC: 44 Lê Quý Đôn, F1, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp ĐANG HOÀNG MINH	Công trình: XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG SỬA CHỮA THIẾT BỊ VÀ SÂN BÀI ĐỂ MBA Hạng mục: NHÀ XƯỞNG, SÂN BÀI ĐỂ MBA, HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC. Đoạn: CHI NHÁNH ĐIỆN CAO LÃNH, QUỐC LỘ 30, THỊ TRẤN MỸ THO, HUYỆN CAO LÃNH. TL: 1/100 SỐ: 13/16
CHỦ TRÌ - THIẾT KẾ VŨ QUANG NHỰT	VÊ NGUYỄN PHƯỚC HÀI